

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 09/2020/KDTM-PT
Ngày 26-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ
bảo vệ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền;
Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 21 và ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dịch vụ bảo vệ”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 20/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của TAND thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2020/QĐ-PT ngày 21/4/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Chất lượng cao H.

Địa chỉ: H1, phường H2, quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1976; địa chỉ: Số H1, phường H2, quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2020), có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Thực phẩm A;

Địa chỉ: phường A1, quận A2, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Nguyễn B, sinh năm: 1983; địa chỉ: Phường B1, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2019), có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án.

3. Người có quyền D, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Hồng C, sinh năm: 1976; địa chỉ: phường C1, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.2. Ông Vũ Đức D, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 22, ngách 80/3, phố Nhân Hòa, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Chất lượng cao H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao H (sau đây gọi tắt là Công ty H và Công ty Cổ phần Thực Phẩm A (sau đây gọi tắt là Công ty A) đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung ứng nhân viên bảo vệ số: 015/HĐ-CLCHM/2017 vào ngày 01 tháng 04 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 002/PLHĐ-CLCHM/2018 ngày 01 tháng 04 năm 2018. Theo đó, Công ty H đã cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty A là 03 (ba) vị trí bảo vệ, làm việc là: 24h/24h.

Thời hạn của Hợp Đồng: Kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2018. Sau thời hạn trên, nếu hai bên không có đề nghị gì bằng văn bản, thì Hợp đồng này sẽ đương nhiên được tiếp tục thêm mười hai tháng vào cuối mỗi kỳ thời hạn, theo cùng các điều khoản và điều kiện đã được áp dụng trong thời hạn của Hợp đồng trước.

Thời hạn của Phụ lục hợp đồng: Gia hạn hợp đồng từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018. Sau thời gian hết hạn hợp đồng, nếu hai bên không có thỏa thuận gì khác bằng văn bản thì sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Việc Công ty A không có thiện chí hợp tác như hiện nay đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và D ích chính đáng của Công ty H. Vào lúc 20 giờ 00 phút ngày 09 tháng 7 năm 2018, Công ty A đã đuổi và trục xuất toàn bộ nhân viên bảo vệ của Công ty H ra khỏi Công ty A. Khi đó, có rất nhiều người chứng kiến sự việc Công ty A đuổi toàn bộ nhân viên bảo vệ của Công ty H và khóa cửa cổng và khóa cửa phòng ngủ của nhân viên bảo vệ lại, trong khi đó những nhân viên bảo vệ này của Công ty H đang bảo vệ an ninh trật tự và an toàn tài sản theo Hợp đồng cho Công ty A.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của hợp đồng, trong thời gian thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực nếu bên nào vi phạm hợp đồng do lỗi không thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì bên vi phạm buộc

phải bồi thường cho bên kia toàn bộ phí dịch vụ bảo vệ trong thời gian còn lại của hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 9 của Hợp đồng thì Công ty A thanh toán phí dịch vụ bảo vệ không đúng hạn như đã nêu tại Điều 4 và Điều 9 hợp đồng, thì Công ty H có quyền áp dụng mức phạt là 1% tương ứng với phí dịch vụ bảo vệ cho mỗi một ngày mà Công ty A trễ hạn thanh toán của tổng giá trị hợp đồng trong toàn bộ thời hạn của Hợp đồng, kể cả các ngày chậm thanh toán của từng tháng.

Công ty A phải có trách nhiệm thanh toán tiền phí dịch vụ bảo vệ vào ngày 01 (ương lịch) hàng tháng theo đúng quy định trong Hợp đồng cung ứng nhân viên bảo vệ số 015/HĐ-CLCHM/2017 đã được hai bên ký ngày 01 tháng 4 năm 2017, được tính chi tiết cụ thể cho các ngày chậm trả hàng tháng như sau:

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 4 năm 2017 mà Công ty A chậm trả được tính từ ngày 02 tháng 5 năm 2017 đến hết ngày 24 tháng 5 năm 2017 là: $42.900.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 22 \text{ ngày chậm thanh toán} = 9.438.000 \text{ đồng}$ (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 25 tháng 5 năm 2017).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 05 năm 2017 được tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2017 đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2017 là: $42.900.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 18 \text{ ngày chậm thanh toán} = 7.722.000 \text{ đồng}$ (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 21 tháng 6 năm 2017).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 6 năm 2017 được tính từ ngày 02 tháng 7 năm 2017 đến hết ngày 18 tháng 7 năm 2017 là: $42.900.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 16 \text{ ngày chậm thanh toán} = 6.864.000 \text{ đồng}$ (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 19 tháng 7 năm 2017).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 7 năm 2017 được tính từ ngày 02 tháng 8 năm 2017 đến hết ngày 17 tháng 8 năm 2017 là: $42.900.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 15 \text{ ngày chậm thanh toán} = 6.435.000 \text{ đồng}$ (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 18 tháng 8 năm 2017).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 8 năm 2017 được tính từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến hết ngày 13 tháng 9 năm 2017 là: $42.900.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 11 \text{ ngày chậm thanh toán} = 4.719.000 \text{ đồng}$ (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 14 tháng 9 năm 2017).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 9 năm 2017 được tính từ ngày 02 tháng 10 năm 2017 đến hết ngày 24 tháng 10 năm 2017 là: $42.900.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 22 \text{ ngày chậm thanh toán} = 9.438.000 \text{ đồng}$ (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 25 tháng 10 năm 2017).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 10 năm 2017 được tính từ ngày 02 tháng 11 năm 2017 đến hết ngày 14 tháng 11 năm 2017 là: $42.900.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 12 \text{ ngày chậm thanh toán} = 5.148.000 \text{ đồng}$ (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 15 tháng 11 năm 2017).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 11 năm 2017 được tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2017 đến hết ngày 21 tháng 12 năm 2017 là: 42.900.000 đồng x với 1% x 19 ngày chậm thanh toán = 8.151.000 đồng (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 22 tháng 12 năm 2017).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 12 năm 2017 được tính từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến hết ngày 17 tháng 01 năm 2018 là: 42.900.000 đồng x với 1% x 15 ngày chậm thanh toán = 6.435.000 đồng (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 18 tháng 01 năm 2018).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 01 năm 2018 được tính từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến hết ngày 07 tháng 02 năm 2018 là: 42.900.000 đồng x với 1% x 05 ngày chậm thanh toán = 2.145.000 đồng (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 08 tháng 02 năm 2018).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 02 năm 2018 được tính từ ngày 02 tháng 3 năm 2018 đến hết ngày 11 tháng 03 năm 2018 là: 42.900.000 đồng x với 1% x 09 ngày chậm thanh toán = 3.861.000 đồng (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 12 tháng 3 năm 2018).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 3 năm 2018 được tính từ ngày 02 tháng 4 năm 2018 đến hết ngày 06 tháng 5 năm 2018 là: 42.900.000 đồng x với 1% x 34 ngày chậm thanh toán = 14.586.000 đồng (Công Ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 07 tháng 5 năm 2018).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 4 năm 2018 được tính từ ngày 02 tháng 5 năm 2018 đến hết ngày 24 tháng 06 năm 2018 là: 42.900.000 đồng x với 1% x 53 ngày chậm thanh toán = 22.737.000 đồng. (Công Ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 25 tháng 6 năm 2018).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 5 năm 2018 được tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2018 đến hết ngày 26 tháng 6 năm 2018 là: 42.900.000 đồng x với 1% x 24 ngày chậm thanh toán = 10.296.000 đồng. (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 27 tháng 6 năm 2018).

- Phí dịch vụ bảo vệ của tháng 6 năm 2018 được tính từ ngày 02 tháng 7 năm 2018 đến hết ngày 05 tháng 7 năm 2018 là: 42.900.000 đồng x với 1% x 04 ngày chậm thanh toán = 1.716.000 đồng. (Công ty A đã chuyển khoản trả vào ngày 06 tháng 7 năm 2018).

Tổng số tiền của các ngày phạt trả chậm hàng tháng mà Công ty A phải thanh toán trả cho Công ty H là: 119.691.000 đồng.

Khi thời hạn của hợp đồng trên hết hạn, hai Công ty vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng cho đến ngày 31/3/2019 mới hết hạn hợp đồng. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 01.2018/TLHĐ, Công ty A đã thiết lập và được ông Nguyễn Huy E (Tổng Giám đốc của Công ty H) và ông Vũ Đức D (Giám đốc Công ty A) là người đại diện theo pháp luật ký kết. Theo như Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/12/2018 thì hai bên đã thực hiện xong các điều khoản trong hợp đồng và không còn vướng mắc gì hay tranh chấp bất cứ điều gì, hợp đồng chấm dứt hiệu

lực kể từ ngày hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng, nhưng phía Công ty A không thanh toán tiền cho công ty H, kể từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018 (ngày thanh lý hợp đồng) là 06 tháng x 39.000.0000 đồng = 237.600.000 đồng và tổng số tiền của các ngày phạt trả chậm hàng tháng mà Công ty A phải thanh toán trả cho Công ty H là: 119.691.000 đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường số tiền là: 39.000.000 đồng x 06 tháng = 234.000.000 đồng. Tiền phạt của các ngày chậm trả hàng tháng được quy định trong hợp đồng là: 119.691.000 đồng. Tổng cộng là: 353.691.000 đồng.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/11/2019, Công ty H yêu cầu Công ty A thanh toán thêm 03 tháng tiền lương từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/3/2019 (03 tháng x 39.000.000 đồng = 117.000.000 đồng), do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với 03 tháng tiền lương của nhân viên bảo vệ với số tiền 117.000.000 đồng. Nguyên đơn đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền 237.600.000 đồng, tương đương với 06 tháng, tính từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018. Đồng thời, buộc bị đơn thanh toán tiền phạt chậm trả tính từ ngày 02/5/2017 đến hết ngày 02/7/2018, với số tiền 119.691.000 đồng. Tổng cộng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 353.691.000 đồng.

* Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm A trình bày:

Giữa Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao H và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm A Miền Nam có ký hợp đồng cung ứng dịch vụ, để Công ty H bảo vệ cho Công ty A 03 mục tiêu như phía Công ty H trình bày. Thời hạn hợp đồng là từ ngày 01/4/2017 đến hết ngày 31/3/2018, số tiền thanh toán mỗi tháng 39.000.000 đồng. Công ty A đã thanh toán chi phí dịch vụ cho Công ty H đến ngày 30/6/2018. Lý do bị đơn không tiếp tục hợp đồng với Công ty H là do bảo vệ của Công ty H liên tục vi phạm, bỏ vị trí bảo vệ.

Ngày 22/3/2018, phía Công ty A đã gửi phụ lục hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng cho Công ty H, Công ty H có nhận văn bản của Công ty A. Khi Công ty A gửi biên bản thanh lý hợp đồng trên cho Công ty H, thì không có ghi ngày tháng, chỉ ghi năm 2018, có ký tên đóng dấu của giám đốc Chi nhánh Công ty A. Đến thời điểm hiện tại, Chi nhánh Công ty A cũng chưa nhận được văn bản thanh lý hợp đồng có ký tên đóng dấu của Công ty H, Công ty H đã tự ý ghi ngày tháng vào biên bản thanh lý hợp đồng trên.

Từ khi phía Công ty H bỏ mục tiêu bảo vệ thì phía Công ty A đã nhiều lần gửi văn bản cho Công ty H về việc vi phạm và chấm dứt hợp đồng, giữa hai bên Công ty vẫn trao đổi văn bản qua lại, nhưng Công ty H vẫn cố tình đưa bảo vệ vào.

Phía Công ty A không có đuổi bảo vệ của Công ty H như lời trình bày của nguyên đơn, cũng như giữa hai bên không có đánh nhau.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì Công ty A không đồng ý, lý do Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên là đã vô hiệu, do người ký là giám đốc chi nhánh, không có quyền ký khi chưa có văn bản ủy quyền của Công ty A. Bên Công ty H vi phạm tự ý bỏ vị trí nhiều lần, có lập biên bản 05 lần, nếu như hợp đồng có hiệu lực thì tại sao từ ngày 01/4/2017 đến ngày 30/6/2018 nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt cho Công ty H. Giả sử trong trường hợp hợp đồng có hiệu lực thì trong Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/12/2018, hai bên đã thực hiện xong các điều khoản nêu trong hợp đồng và không còn vướng mắc hay tranh chấp bất kỳ điều gì. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng, Công ty A không còn bất kỳ nghĩa vụ gì đối với Công ty H nữa. Về yêu cầu phạt chậm trả thì bị đơn không đồng ý, vì hợp đồng đã vô hiệu.

Do vậy, phía bị đơn không còn bất cứ nghĩa vụ gì phải thực hiện đối với nguyên đơn. Bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền D, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Hồng C trình bày: Ngày 01/4/2017, Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực Phẩm A và Công ty Cổ phần Chất lượng cao H có ký kết hợp đồng cung ứng nhân viên bảo vệ. Hợp đồng này do Chi nhánh A ký, không có bất kỳ ủy quyền nào từ phía Công ty Cổ phần Thực Phẩm A. Theo đó, địa điểm và vị trí: 03 vị trí bảo vệ, trong đó 02 vị trí tại cổng chính và cổng phụ, 01 vị trí tuần tra giám sát an ninh tại Chi nhánh A, ca làm việc: 02 ca từ 06 giờ đến 18 giờ và 18 giờ đến 06 giờ hôm sau, mỗi ca hai nhân viên bảo vệ, thời hạn hợp đồng: Từ ngày 01/4/2017 đến 31/3/2018. Sau thời gian này, nếu hai bên không có đề nghị gì bằng văn bản, thì hợp đồng này sẽ đương nhiên được tiếp tục thêm mười hai tháng vào cuối mỗi thời kỳ, giá trị hợp đồng 39.000.000 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế VAT. Điều 4 Hợp đồng: Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt vào ngày 01 (Dương lịch) hàng tháng, trường hợp rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày lễ thì sẽ thanh toán vào ngày làm việc kế tiếp. Sau khi Bên nhận được báo cáo của đội bảo vệ bên B đã thực hiện nhiệm vụ trong tháng và nhận được hóa đơn tài chính, văn bản yêu cầu thanh toán của bên B. Điều 7 hợp đồng: “Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi nhân viên bảo vệ của bên B vi phạm nghiêm trọng nhiều lần trong tháng mà bên A đã lập biên bản nhân viên bảo vệ vi phạm đó và gửi cho bên B bằng biên bản. Sau đó khoảng tháng 5/2017, ông thôi chức danh Giám đốc Chi nhánh và nghỉ công tác tại Chi nhánh A. Khoảng tháng 07/2019, ông lại làm việc tại Chi nhánh A. Ông C cam đoan về những lời khai của mình là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ Ông Vũ Đức D trình bày: Ông được biết, ngày 01/4/2017, Chi nhánh Công ty Cổ phần thực phẩm A và Công ty Cổ phần Chất lượng cao H có ký kết hợp đồng cung ứng nhân viên bảo vệ. Hợp đồng này do Chi nhánh A ký, không có bất kỳ ủy quyền nào từ phía Công ty Cổ phần Thực phẩm A. Theo đó, địa điểm và vị trí: 03 vị trí bảo vệ, trong đó 02 vị trí tại cổng chính và cổng phụ, 01

vị trí tuần tra giám sát an ninh tại Chi nhánh A, ca làm việc: 02 ca từ 06 giờ đến 18 giờ và 18 giờ đến 06 giờ hôm sau, mỗi ca hai nhân viên bảo vệ. Thời hạn hợp đồng: Từ ngày 01/4/2017 đến 31/3/2018. Sau thời gian này, nếu hai bên không có đề nghị gì bằng văn bản, thì hợp đồng này sẽ đương nhiên được tiếp tục thêm mười hai tháng vào cuối mỗi thời kỳ, giá trị hợp đồng 39.000.000 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế VAT. Điều 4 Hợp đồng: Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt vào ngày 01 (dương lịch) hàng tháng, trường hợp rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày lễ thì sẽ thanh toán vào ngày làm việc kế tiếp. Sau khi Bên nhận được bản báo cáo của đội bảo vệ bên B đã thực hiện nhiệm vụ trong tháng và nhận được hóa đơn tài chính, văn bản yêu cầu thanh toán của bên B. Điều 7 hợp đồng: “Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi nhân viên bảo vệ của bên B vi phạm nghiêm trọng nhiều lần trong tháng mà bên A đã lập biên bản nhân viên bảo vệ vi phạm đó và gửi cho bên B bằng biên bản. Tuy nhiên, ông đã thôi chức danh giám đốc Chi nhánh Công ty A đã hơn một năm nay nên không nhớ chính xác là mình đã ký những giấy tờ cụ thể nào trong thời gian công tác tại đây. Ông cam đoan về những lời khai của mình là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 20/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao H đối với bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm A về tranh chấp số tiền 117.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao H đối với bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm A về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” với số tiền 353.691.000 đồng.

3. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 05/12/2019, nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn xác định yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn với tổng số tiền 107.866.581 đồng. Chi tiết từng khoản như sau: Số tiền Công ty H chi trả bồi thường cho người lao động: 06 người lao động x 6.000.000 đồng/tháng lương x 02 tháng lương = 72.000.000 đồng. Chi phí đào tạo nhân viên bảo vệ: 1.500.000 đồng/người x 06 người = 9.000.000 đồng. Đồng phục cho nhân viên bảo vệ: 220.000 đồng/bộ x 12 bộ (02 bộ/người) = 2.640.000 đồng. Bộ đàm: 03 bộ x 968.000/bộ = 2.904.000 đồng. Giá trị bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: 10.000.000 đồng. Giá trị dịch vụ bảo vệ Công ty A chưa thanh toán từ ngày 01/7 đến ngày 09/7/2018: 1.258.065 đồng/ngày x 09 ngày = 11.322.581 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Giải quyết yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng Hợp đồng cung ứng nhân viên bảo vệ số 015/HĐ ngày 01/4/2017 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 1/4/2018 được ký giữa Công ty H với Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm A, khi ký hợp đồng Chi nhánh chưa được Công ty Cổ phần Thực phẩm A ủy quyền, thực tế các bên đã thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã bố trí bảo vệ đến Chi nhánh Công ty bị đơn để thực hiện hợp đồng và bị đơn đã nhiều lần thanh toán tiền cho nguyên đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần Thực phẩm A biết nhưng cũng không có ý kiến phản đối việc Chi nhánh Công ty ký hợp đồng và chuyển tiền thanh toán cho Công ty H, do đó hợp đồng cung ứng bảo vệ có giá trị thực hiện. Căn cứ nội dung Biên bản thanh lý hợp đồng thì bị đơn Công ty A không còn bất cứ nghĩa vụ gì phải thực hiện đối với Công ty H kể từ ngày 31/12/2018, nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chưa thanh toán cho nguyên đơn 06 tháng theo hợp đồng đã ký và yêu cầu tính tiền phạt chậm thanh toán nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ đúng quy định pháp luật, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty H, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 20/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến và Kiểm sát viên phát biểu quan điểm; sau khi thảo luận,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền D, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng C và ông Vũ Đức D vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm đã có đơn xin xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và ông D.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”.

Tại bản án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H đối với bị đơn Công ty A về tranh chấp số tiền 117.000.000 đồng tiền lương trả cho người lao động của Công ty H do đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty H về việc buộc bị đơn Công ty A bồi thường giá trị của hợp đồng bảo

vệ của 06 tháng (từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018) và tiền phạt chậm trả tổng cộng 353.691.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nội dung kháng cáo yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn với tổng số tiền 107.866.581 đồng. Cụ thể như sau:

1. Số tiền Công ty H chi trả bồi thường cho người lao động: 06 người lao động x 6.000.000 đồng/tháng lương x 02 tháng lương = 72.000.000 đồng.

2. Chi phí đào tạo nhân viên bảo vệ: 1.500.000 đồng/người x 06 người = 9.000.000 đồng.

3. Đồng phục cho nhân viên bảo vệ: 220.000 đồng/bộ x 12 bộ (02 bộ/người) = 2.640.000 đồng.

4. Bộ đàm: 03 bộ x 968.000/bộ = 2.904.000 đồng.

5. Giá trị bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: 10.000.000 đồng.

6. Giá trị dịch vụ bảo vệ Công ty A chưa thanh toán từ ngày 01/7 đến ngày 09/7/2018: 1.258.065 đồng/ngày x 09 ngày = 11.322.581 đồng.

[2.1] Đối chiếu với nội dung phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên và yêu cầu kháng của nguyên đơn thấy rằng, các yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán bao gồm: Chi phí đào tạo nhân viên, chi phí mua đồng phục, chi phí mua bộ đàm và chi phí giá trị bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tổng số tiền 24.544.000 đồng, nguyên đơn không khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết và quyết định tại bản án sơ thẩm không đề cập đến các vấn đề này nên không thuộc phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết đối với các yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán giá trị tiền lương cho người lao động, tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 117.000.000 đồng tiền lương trả cho người lao động. Tuy nhiên, nguyên đơn đã rút yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn là đã phù hợp với quy định pháp luật hay không. Xét thấy: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn đã tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện trên; đồng thời tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn đã xác nhận điều này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu thanh toán tiền lương cho người lao động của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về yêu cầu giá trị dịch vụ bảo vệ: Tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn giá trị dịch vụ bảo vệ của 06 tháng tính từ 01/7/2018 đến 31/12/2018 và phạt chậm trả tổng số tiền 353.691.000 đồng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn Công ty A thanh toán từ ngày 01/7 đến ngày 09/7/2018 là: 1.258.065 đồng/ngày x 09 ngày = 11.322.581

đồng. Như vậy, nội dung này bị đơn kháng cáo là trong phạm vi quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ xem xét vấn đề này.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Giữa đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty H và đại diện của Chi nhánh Công ty A Miền Nam đã ký kết với nhau Hợp đồng cung ứng nhân viên bảo vệ số 015/HĐ-CLCHM/2017 ngày 01/4/2017 để thực hiện dịch vụ bảo vệ tại địa chỉ chi nhánh: Khu công nghiệp K1, phường K2, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Điều 1 của hợp đồng). Bị đơn cho rằng hợp đồng nêu trên bị vô hiệu do Chi nhánh Công ty A Miền Nam không được ủy quyền ký kết hợp đồng. Nhưng bị đơn không có yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Thực tế, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn giá trị của hợp đồng nêu trên cho đến hết ngày 30/6/2018 thể hiện tại sổ phụ ngân hàng do nguyên đơn cung cấp. Xét nội dung chi tiết sổ phụ, sao kê của Ngân hàng Agribank cung cấp thì tại mục ghi chú có nội dung tại “CT CP THUC PHAM HUU NGHI TT HD” ... “CHO CN MIEN NAM”. Đã thể hiện, Công ty A đã thanh toán cho Công ty H theo các hóa đơn bảo vệ do Công ty H xuất là giá trị dịch vụ từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2018, nên đủ cơ sở để xác định việc Công ty A biết Giám đốc chi nhánh đã ký hợp đồng với Công ty H và thừa nhận giá trị hợp đồng bằng việc thực hiện thanh toán thông qua chuyển khoản. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 015/HĐ-CLCHM/2017 ngày 01/4/2017 có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 142 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Ngày 31/12/2018, Công ty H với Công ty A ký biên bản thanh lý hợp đồng có nội dung như sau:

“Sau khi bàn bạc và thỏa thuận hai bên không thống nhất các điều kiện bên A và bên B đưa ra trong phụ lục gia hạn hợp đồng. Hai bên cùng nhau tiến hành ký thanh lý Hợp đồng 015/HĐ-CLCHM/2017 ngày 01 tháng 04 năm 2017.

Hai bên thực hiện xong các điều khoản nêu trong hợp đồng và không còn vướng mắc hay tranh chấp bất kỳ điều gì. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng”.

Việc người đại diện theo pháp luật của Công ty H thực hiện ký tên và đóng dấu vào biên bản thanh lý trên được xem là chấm dứt nghĩa vụ theo thỏa thuận được quy định tại Điều 375 Bộ luật Dân sự, đây là căn cứ để xác định tính đến ngày 31/12/2018, bị đơn không còn bất kỳ nghĩa vụ gì với nguyên đơn phát sinh từ Hợp đồng 015/HĐ-CLCHM/2017 ngày 01 tháng 4 năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán giá trị của dịch vụ bảo vệ là đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán giá trị dịch vụ bảo vệ từ ngày 01 đến ngày 09 tháng 7 năm 2018 là không có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài các chứng cứ đã có tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không có căn cứ thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 293, Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 139, 142, 375, 385, 400, 401, 422 và 513 Bộ luật Dân sự;
- Điều 74 Luật Thương mại.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Chất lượng cao H.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 20/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao H đối với bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm A về tranh chấp số tiền 117.000.000 đồng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao H đối với bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm A về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bảo vệ” với số tiền 353.691.000 đồng.

2.3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao H phải chịu 17.685.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 11.767.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu số 0033889 ngày 08/5/2019 và số 0041051 ngày 18/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương. Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao H còn phải nộp thêm số tiền 5.918.000 đồng.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Chất lượng cao H phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số

0041125 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa KT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Hữu Xuân